

Số: 229/2019/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp AD, xã T A, huyện TH, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 157A, khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh B.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Kiều E và anh Nguyễn Hoàng K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Chị Trần Thị Kiều E trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trần Thái D, sinh ngày 28/4/2011 (phù hợp với nguyện vọng của cháu D).

- Anh Nguyễn Hoàng K có trách nhiệm cấp dưỡng cháu Nguyễn Trần Thái D mỗi tháng là 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh K được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Kiều E và anh Nguyễn Hoàng K đều khai không có.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị Kiều E tự nguyện chịu 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HNST và 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005123 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre (Chị Kiều E đã nộp đủ án phí).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP Bến Tre
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- UBND phường P, Tp. Bến Tre
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở